

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ ỨNG DỤNG VIỆT NAM TOGETHER**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ ỨNG DỤNG VIỆT NAM TOGETHER

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM TOGETHER TECHNOLOGY & APPLICATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIETNAM TOGETHER., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109860437

**3. Ngày thành lập:** 16/12/2021

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

CH02 Đường 2.2, Khu đô thị Gamuda, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0868846796

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                                                                               | 6312        |
| 2.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                       | 4741(Chính) |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                              | 6209        |
| 4.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                           | 6311        |
| 5.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                | 6399        |
| 6.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư; Hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp; Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng (trừ lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm) | 6619        |
| 7.  | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                     | 7020        |
| 8.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp                                                                                                                                                                              | 7214        |
| 9.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động của các nhà nông học và nhà kinh tế nông nghiệp                                                                                                               | 7490        |
| 10. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                               | 7730        |
| 11. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                              | 4791        |
| 12. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                             | 4722        |
| 13. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                                          | 4610        |
| 14. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                          | 4651        |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                       | 4653        |
| 16. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng                                                                                                                                                                    | 4932        |
| 17. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô                                                                                                                                                                            | 4933        |
| 18. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                  | 5210        |
| 19. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết:<br>- Tổ chức trình diễn hội chợ sản phẩm nông nghiệp;<br>- Tổ chức, xúc tiến kinh doanh;<br>- Tổ chức triển lãm, giới thiệu, hội nghị.                                                                | 8230        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN PHÚ CƯỜNG | Tổ 15, Khu 1, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 30.000     | 300.000.000           | 15,000    | 031095001064                                                                                |         |
|     |                  |                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                             | Tổng số                   | 30.000     | 300.000.000           | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                             |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | LƯƠNG ĐỨC THÀNH  | Tổ 15, Phường Phương Lâm, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hoà Bình, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông         | 140.000    | 1.400.000.000         | 70,000    | 113697383                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                             | Tổng số                   | 140.000    | 1.400.000.000         | 70,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                             |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                                 |                           |        |             |        |           |
|---|----------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|-----------|
| 3 | NGUYỄN VĂN QUÝ | Xóm 3, thôn Quý Dương, Xã Tân Trường, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 30.000 | 300.000.000 | 15,000 | 142806613 |
|   |                |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                 | Tổng số                   | 30.000 | 300.000.000 | 15,000 |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LƯƠNG ĐỨC THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/06/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 113697383

Ngày cấp: 25/12/2017 Nơi cấp: Công an tỉnh Hòa Bình

Địa chỉ thường trú: Tổ 15, Phường Phương Lâm, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 15, Phường Phương Lâm, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội